

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23/6/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy D, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Trọng C, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp G, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D và bị đơn ông Lê Trọng C chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn 24/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã A, Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Cả hai đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Hiện tại đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D xin được ly hôn với ông Lê Trọng C.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên **Lê Trọng Công V**, sinh ngày 23/9/2017. Bà **D** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **V**. Bà **D** yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 18/6/2026, nguyên đơn bà **D** rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, và tại phiên tòa bị đơn ông **Lê Trọng Công trình B**:*

Tôi và bà **Trần Thị Thùy D** chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **P**, tỉnh **Bình Dương** (nay là xã **A**, Thành phố **Hồ Chí Minh**). Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Tuy nhiên, tôi thấy mâu thuẫn hôn nhân không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Tôi không đồng ý ly hôn với bà **Trần Thị Thùy D**.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố **Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Lê Trọng C** chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn 24/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **P**, tỉnh **Bình Dương** (nay là xã **A**, Thành phố **Hồ Chí Minh**). Hiện tại, bà **D** và ông **C** đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Ông **C** thống nhất với bà **D** về quá trình hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, ông **C** thấy mâu thuẫn không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên **Lê Trọng Công V**, sinh ngày 23/9/2017. Bà **D** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **V**. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu **V** cho bà **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, bà **D** yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 18/6/2026, bà **D** có đơn tự nguyện rút yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà **Trần Thị Thùy D** khởi kiện bị đơn ông **Lê Trọng C** yêu cầu toà án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con; hiện bị đơn ông **Lê Trọng C** đang thường trú tại **ấp G, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh**. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn bà **Trần Thị Thùy D** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn bà **Trần Thị Thùy D** rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn ông **Lê Trọng C**. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về “Cấp dưỡng nuôi con” đối với bị đơn ông **Lê Trọng C**.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Thùy D** và ông **Lê Trọng C** chung sống vợ chồng với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã A, Thành phố Hồ Chí Minh) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện tại cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, không hợp nhau. Hiện tại nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên **Lê Trọng Công V**, sinh ngày 23/9/2017. Bà **D** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **V**. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu **Lê Trọng Công V**, sinh ngày 23/9/2017 cho bà **Trần Thị Thùy D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, bà **D** yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 18/6/2026, bà **D** có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn bà **Trần Thị Thùy D** đối với bị đơn ông **Lê Trọng C**.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 217, 227, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Thùy D** đối với bị đơn ông **Lê Trọng C** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Thùy D** được ly hôn với ông **Lê Trọng C**.

3. Về con chung:

3.1. Giao cháu **Lê Trọng Công V**, sinh ngày 23/9/2017 cho nguyên đơn bà **Trần Thị Thùy D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp,

người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3.3. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

4. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Thùy D** đối với bị đơn ông **Lê Trọng C** về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông **Lê Trọng C** cấp dưỡng nuôi con.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Bà **Trần Thị Thùy D** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí do bà **Trần Thị Thùy D** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021410 ngày 07 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;

- VKSND khu vực 19;

- Thi hành án dân sự Thành phố

Hồ Chí Minh;

- Ủy ban nhân dân xã An Long, Thành

phố Hồ Chí Minh (thay thông báo);

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thanh Ân